

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CITY AUTO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2024/CBTT-CTF

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
- Mã chứng khoán: CTF
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 218 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 37262626 Fax: 028 37263626
- Người thực hiện công bố thông tin: Phan Thị Hồng Phương  
Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính nhân sự

Loại thông tin công bố:  định kỳ  Bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần City Auto công bố thông tin Nghị quyết HĐQT số:11/2024/NQ- HĐQT-CTF về Quy trình Công bố thông tin của Công ty Cổ phần City Auto.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/11/2024 tại đường dẫn: <https://cityautogroup.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

**Tài liệu đính kèm:**

- Nghị quyết HĐQT số:11 /2024/NQ- HĐQT-CTF
- Quy trình Công bố thông tin của Công ty Cổ phần City Auto.

Đại diện tổ chức  
Người UQ CBTT



Trần Thị Như Gấm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----000-----

**QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO  
MCK: CTF**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CITY AUTO  
Số :11/2024/NQ- HĐQT-CTF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TP HCM, ngày 01 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy trình Công bố thông tin của Công ty cổ phần City Auto**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

Căn cứ quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần City Auto;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần City Auto;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số:11/2024/BB- HĐQT-CTF

**NGHỊ QUYẾT:**

**Điều 1.** Hội đồng quản trị thống nhất Quy trình Công bố thông tin của Công ty Cổ phần City Auto.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3.** Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các phân việc liên quan đến công bố thông tin theo quy định của Công ty.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VPCT.



**TRẦN NGỌC DÂN**

MỤC LỤC

<b>Chương I .....</b>	<b>3</b>
<b>QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>3</b>
Điều 1. Mục đích.....	3
Điều 2. Phạm vi áp dụng .....	3
2.1 Đối tượng áp dụng.....	3
2.2 Phương tiện và hình thức công bố thông tin.....	3
<b>Chương II.....</b>	<b>4</b>
<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>4</b>
Điều 3. Tài liệu tham khảo .....	4
Điều 4. Định nghĩa và chữ viết tắt.....	4
4.1 Định nghĩa.....	4
4.2 Chữ viết tắt.....	5
Điều 5. Quy trình.....	6
5.1 Lưu đồ.....	6
5.1.1 Công bố thông tin định kỳ:.....	6
5.1.2 Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác.....	8
5.2 Phối hợp thực hiện giữa các bộ phận.....	9
5.2.1 Công bố thông tin định kỳ.....	9
5.2.2 Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác.....	10
5.3 Các rủi ro thường gặp và biện pháp xử lý.....	10
Điều 6. Tóm tắt nội dung công bố thông tin và Biểu mẫu .....	11
6.1 Công bố thông tin định kỳ.....	11
6.2 Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác.....	12
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin.....	16
Điều 8. Xử lý vi phạm về công bố thông tin .....	17
Điều 9. Triển khai thực hiện.....	17

50797  
CÔNG  
CỐ P  
TY /  
C-TI

## QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 44 /2024/NQHĐQT-CTF ngày 01 tháng 11 năm 2024  
của Hội đồng quản trị)

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Mục đích

Nhằm đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

#### Điều 2. Phạm vi áp dụng

##### 2.1 Đối tượng áp dụng.

Quy trình này áp dụng đối với các phòng ban, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

##### 2.2 Phương tiện và hình thức công bố thông tin.

Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời thông qua các phương tiện công bố sau:

- Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Doanh nghiệp;
- Ủy Ban Chứng Khoán: thực hiện đồng thời dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử hoặc gửi báo cáo điện tử qua hệ thống IDS;
- Sở Giao dịch chứng khoán: thực hiện đồng thời dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử hoặc gửi báo cáo điện tử qua hệ thống ECM (gửi email và bản cứng với HOSE);
- Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp, các phương tiện thông tin bao gồm trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán, v.v...

## Chương II

### CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### Điều 3. Tài liệu tham khảo

1. Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
2. Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
3. Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
4. Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
5. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
7. Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

#### Điều 4. Định nghĩa và chữ viết tắt

##### 4.1 Định nghĩa.

- i. Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.
- ii. Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.
- iii. Người nội bộ của công ty đại chúng là:
  - a) Thành viên Hội đồng quản trị;
  - b) Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát nội bộ;
  - c) Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - d) Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;
  - e) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.



iv. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của cá nhân;
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, công ty con;

v. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

vi. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

vii. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu quỹ của công ty.

#### 4.2 Chữ viết tắt.

- |       |            |   |
|-------|------------|---|
| i.    | IDS        | : Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin công ty đại chúng.                              |
| ii.   | ECM        | : Hệ thống tiếp nhận báo cáo và CBTT của HSX đối với Công ty niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch. |
| iii.  | UBCKNN     | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  |
| iv.   | SGDCKTPHCM | : Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.  |
| v.    | HSX        | : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.   |
| vi.   | VSDC       | : Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.   |
| vii.  | CBTT       | : Công bố thông tin.  |
| viii. | HĐQT       | : Hội đồng quản trị.  |
| ix.   | BKS        | : Ban kiểm soát.  |
| x.    | GDQHĐT     | : Giám đốc Quan hệ đối tác.   |

- xi. GD QHĐT : Giám đốc Quan hệ đối tác.
- xii. QTCT : Quản trị Công ty.
- xiii. GD/TGD : Giám đốc/Tổng Giám đốc.
- xiv. KTT : Kế toán trưởng.
- xv. CLQ : Có liên quan
- xvi. BCTC : Báo cáo tài chính

## **Điều 5. Quy trình**

### **5.1 Lưu đồ.**

#### **5.1.1 Công bố thông tin định kỳ:**





Bước CV	Quy trình	Đơn vị thực hiện	Công việc	Cách thực hiện	Yêu cầu kết quả CV khi hoàn thành	Rủi ro được nhận diện
Bước 1		Giám đốc Quan hệ đối tác, Người Phụ trách QTCT	Thông báo với Người phụ trách CBTT.	GDOHDT/QTCT, email/gọi điện thoại thông báo cho Người phụ trách CBTT các thời hạn cần CBTT định kỳ quý, 6 tháng, năm vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo.	Tư vấn, hướng dẫn đầy đủ về CBTT theo luật định đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết trên TTCKVN.	
Bước 2		Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT.	Thông báo với Bộ phận phụ trách trực tiếp.	Người phụ trách CBTT ghi nhận các thông tin từ GDOHDT/QTCT và thông báo các thời hạn cần CBTT đến Bộ phận phụ trách trực tiếp để kịp thời chuẩn bị.	Hiểu rõ các quy định về CBTT với sự hỗ trợ của cán bộ quản lý thành viên của Hose.	Hiểu chưa đầy đủ các quy định về CBTT.
Bước 3		Bộ phận nghiệp vụ, các tổ chức, cá nhân có liên quan.	Thực hiện các tài liệu, báo cáo định kỳ.	Bộ phận phụ trách trực tiếp tiến hành hoàn chỉnh các tài liệu, báo cáo định kỳ để trình lãnh đạo phụ trách.	Lập báo cáo, tài liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời.	Lập báo cáo và các tài liệu không đầy đủ, kịp thời.
Bước 4		Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ.	Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ.	Lãnh đạo phụ trách xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành CBTT.	Đảm bảo nội dung các báo cáo, tài liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời.	
Bước 5		Người đại diện theo pháp luật / Người được ủy quyền CBTT	Thực hiện CBTT.	Người phụ trách CBTT thực hiện việc CBTT qua các kênh: trang web của Công ty, UBCK, HSX.	CBTT đúng thời hạn đến UBCK, HSX và trang web của Công ty.	CBTT chậm so với thời hạn CBTT.
Bước 6		Người đại diện theo pháp luật / Người được ủy quyền CBTT.	Kiểm tra việc CBTT.	Người phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã CBTT đã được đăng tải, tiếp nhận tại các kênh trang web của Công ty, UBCK, HSX.	Đảm bảo việc nhận và đăng tải thông tin của UBCK, HSX.	UBCK, HSX chưa nhận được hoặc không đăng tải tài liệu cần CBTT.
Bước 7		Bộ phận văn thư & các bộ phận có liên quan.	Lưu trữ.	Lưu trữ các nội dung CBTT đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.	Lưu trữ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.	

5.1.2 Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác.

Bước CV	Quy trình	Đơn vị thực hiện	Công việc	Cách thực hiện	Yêu cầu kết quả CV hoàn thành	Rủi ro được nhận diện
Bước 1		Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ/Cá nhân, tổ chức CLQ.	Liên hệ với Người phụ trách CBTT.	Lãnh đạo phụ trách hoặc các Cá nhân, tổ chức CLQ phát sinh nghiệp vụ liên hệ với Người phụ trách CBTT để biết rõ nội dung đó có cần CBTT hay không.	Trao đổi đầy đủ các nội dung liên quan đến nghiệp vụ với Người phụ trách CBTT.	Không trao đổi kịp thời các nội dung có thể cần CBTT.
Bước 2		Người đại diện theo pháp luật/ Người được ủy quyền CBTT.	Tiếp nhận thông tin	Người phụ trách CBTT nắm rõ các thông tin từ Lãnh đạo phụ trách hoặc các Cá nhân, tổ chức CLQ phát sinh nghiệp vụ.	Trao đổi đầy đủ các nội dung liên quan đến nghiệp vụ với các phòng ban liên quan.	Hiểu chưa đầy đủ các nội dung liên quan đến nghiệp vụ có thể cần CBTT.
Bước 3		QTCT, GDQHĐT	Tư vấn, hướng dẫn cho người phụ trách CBTT.	QTCT, GDQHĐT tư vấn, hướng dẫn cụ thể cho Người phụ trách CBTT về quy định CBTT và các nghiệp vụ phát sinh.	Tư vấn, hướng dẫn đầy đủ về CBTT theo luật định đối với CTDC và CTNY trên TTCKVN.	
Bước 4		Người đại diện theo pháp luật/ Người được ủy quyền CBTT.	Hướng dẫn cho Lãnh đạo phụ trách hoặc các Cá nhân, tổ chức CLQ.	Hướng dẫn về các thời hạn CBTT cụ thể cho Lãnh đạo phụ trách hoặc các Cá nhân, tổ chức CLQ.	Hiểu rõ các quy định về CBTT để hướng dẫn cho bộ phận CLQ.	Trao đổi chưa đầy đủ các quy định về CBTT cho bộ phận CLQ.
Bước 5		Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ/Cá nhân, tổ chức CLQ.	Hoàn thành các báo cáo, nội dung cần CBTT.	Lãnh đạo phụ trách hoặc các Cá nhân, tổ chức CLQ gửi thông tin cần CBTT cho Người phụ trách CBTT đúng thời hạn quy định.	Đảm bảo nội dung các báo cáo, tài liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời.	
Bước 6		Người đại diện theo pháp luật/ Người được ủy quyền CBTT.	Thực hiện CBTT.	Người phụ trách CBTT thực hiện việc CBTT qua các kênh: trang web của Công ty, UBCK, HSX.	CBTT đúng thời hạn đến UBCK, HSX và trang web của Công ty.	CBTT chậm so với thời hạn CBTT.
Bước 7		Người đại diện theo pháp luật/ Người được ủy quyền CBTT.	Kiểm tra việc CBTT.	Người phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã CBTT đã được đăng tải, tiếp nhận tại các kênh: trang web của Công ty, UBCK, HSX.	Đảm bảo việc nhận và đăng tải thông tin của UBCK, HSX	UBCK, HSX chưa nhận được hoặc không đăng tải tài liệu cần CBTT.
Bước 8		Bộ phận văn thư & các bộ phận CLQ.	Lưu trữ.	Lưu trữ các nội dung CBTT đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.	Lưu trữ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.	



5.2 Phối hợp thực hiện giữa các bộ phận.

5.2.1 Công bố thông tin định kỳ

Bước CV	Quy trình	Phối hợp thực hiện với các bộ phận ở bước kế tiếp					BC sử dụng vốn	BC tỷ lệ sở hữu NN
		Danh sách cổ đông lớn	BCTC kiểm toán năm	Báo cáo thường niên	Tài liệu DHCD			
Bước 1		TB thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo.	TB thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo.	TB thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo.	TB thời hạn cần CBTT vào ngày thông báo ngày DKCC.		TB công bố tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	
Bước 2		TB thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo.	TB thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo.	TB thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo.	TB thời hạn cần CBTT trước (30) ngày định kỳ (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.		Báo cáo HĐQT.	
Bước 3		Chuẩn bị danh sách kể từ ngày chốt gần nhất.	Chuẩn bị trong vòng (10) ngày kể từ ngày CB BCTCKT năm.	Chuẩn bị trong vòng (10) ngày kể từ ngày CB báo cáo.	Chuẩn bị trước (30) ngày tổ chức DHCD.		Rà soát lại ngành nghề kinh doanh.	
Bước 4		Xét duyệt trong vòng (01) ngày kể từ ngày nhận nội dung.	Xét duyệt trong vòng (15) ngày kể từ ngày nhận nội dung.	Xét duyệt trong vòng (05) ngày kể từ ngày nhận nội dung.	Xét duyệt trong vòng (10) ngày kể từ ngày nhận nội dung.		Quyết định tỷ lệ, nộp hồ sơ UBCKNN.	
Bước 5		Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận được nội dung.	Gửi CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận nội dung.	Gửi CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận nội dung.	Gửi CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận nội dung.		Gửi CBTT trong vòng (01) ngày kể từ ngày nhận nội dung.	
Bước 6		Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.		Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	
Bước 7								
Thời hạn CBTT		Báo cáo 6 tháng trước 30/06. Báo cáo năm trước 30/01 năm tiếp theo.	Trong thời hạn (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập kỳ báo cáo kiểm toán. Thời hạn CBTT không quá (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Thời hạn CBTT chậm nhất là (20) ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán.	Thời hạn CBTT tại liệu trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là (21) ngày.		Định kỳ (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.	



5.2.2 Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác

Các bộ phận có liên quan phối hợp thực hiện ngay trong ngày khi phát sinh các nội dung liên quan đến việc CBTT.

5.3 Các rủi ro thường gặp và biện pháp xử lý.

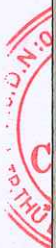
STT	Đơn vị thực hiện	Rủi ro thường gặp	Biện pháp khắc phục
1	Người đại diện theo pháp luật / Người được ủy quyền CBTT.	Hiểu chưa đầy đủ các quy định về CBTT.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn của UBCK, SGDCK.</li> <li>- Tham gia đầy đủ các buổi hội thảo của đơn vị tư vấn CBTT.</li> <li>- Thường xuyên trao đổi với đơn vị tư vấn CBTT.</li> </ul>
		CBTT chậm so với thời hạn CBTT.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu việc CBTT chậm so với thời hạn quy định CBTT do khách quan thì chủ động tìm biện pháp khắc phục. Trong trường hợp bất khả kháng thì chủ động làm công văn xin gia hạn về thời hạn CBTT.</li> <li>- Nếu việc CBTT chậm so với thời hạn quy định CBTT do chủ quan, thường xuyên cập nhật để nắm rõ các quy định về thời hạn CBTT.</li> </ul>
		UBCK, SGDCK, VSDC chưa nhận được hoặc không đăng tải tài liệu cần CBTT.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với việc CBTT trên website: Chủ động đăng tải.</li> <li>- Đối với việc CBTT với UBCK, SGDCK, VSDC: Chủ động liên hệ với chuyên viên phụ trách và kiểm tra thông tin CBTT trên trang web của UBCK, SGDCK, VSDC.</li> </ul>
2	Bộ phận nghiệp vụ, các tổ chức, cá nhân có liên quan.	Lập báo cáo và các tài liệu không đầy đủ, kịp thời.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi báo cáo, tài liệu cho lãnh đạo phụ trách kiểm tra, xem xét nội dung trước khi CBTT.</li> <li>- Thường xuyên trao đổi với Người phụ trách CBTT để nắm rõ thời hạn cần CBTT.</li> </ul>
3	Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ	Không trao đổi kịp thời các nội dung có thể cần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi phát sinh các nghiệp vụ có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, Lãnh</li> </ul>

	vụ/Cá nhân, tổ chức CLQ	CBTT	đạo bộ phận nghiệp vụ/Cá nhân, tổ chức CLQ phải trao đổi ngay với Người phụ trách CBTT để xác định việc CBTT có cần thực hiện hay không.
--	-------------------------	------	--

**Điều 6. Tóm tắt nội dung công bố thông tin và Biểu mẫu**

6.1 Công bố thông tin định kỳ.

STT	CBTT Định kỳ	Báo cáo	Thời điểm CBTT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu
1	Quý	Báo cáo tài chính Quý kèm giải trình	<i>Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>		
2	Bán niên (6 tháng)	Báo cáo tài chính bán niên soát xét kèm giải trình	<i>Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét</i>	14/08/XX	
		- Báo cáo tình hình quản trị công ty - Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm	<i>Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo</i>	30/07/XX	- Phụ lục số 05 Thông tư 96 - Mẫu NY-02 (Quy chế CBTT HSX)
		Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn	<i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày chốt gần nhất)</i>		mẫu HOSE_BM-7.21/6-BH1-3/2014 (Quy chế CBTT HSX)
2	Năm	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn	<i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày theo từng kỳ chốt)</i>		mẫu HOSE_BM-7.21/6-BH1-3/2014 (Quy chế CBTT HSX)
		Báo cáo kiểm toán năm XX	<i>Không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>	30/03/XX+1	
		Báo cáo thường niên năm XX	<i>Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán</i>	30/04/XX+1	TT96 - Phụ lục 04



		Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười (21) ngày		
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình quản trị công ty</li> <li>- Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty năm</li> </ul>	Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	30/01/XX+1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ lục số 05 Thông tư 96</li> <li>- Mẫu CBTT/SGDHCM-NY-02 (Quy chế CBTT HSX)</li> </ul>
4		Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Công ty công bố tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan	-	

Ghi chú: XX: năm của kỳ báo cáo

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài công ty tham khảo ý kiến và trao đổi với bên tư vấn.

6.2 Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác.

STT	Nội dung	Biểu mẫu	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CBTT 24 h</b>		
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty.		
2	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy phép hoạt động (GCNĐKKD, v.v...).		
3	Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ (hoặc Biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lý ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.		
4	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.		

3079  
CÔNG  
CỔ P  
ITY  
ƯC-T

5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức, quyết định tách gộp cổ phiếu.		
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.		
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính.		
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.		
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan.		
10	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.		
11	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</li> <li>- Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;</li> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công</li> </ul>		



	bổ thông tin.		
12	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung.		
13	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 96.	Phụ lục 03 Thông tư 96 Phụ lục I Quyết định số 21/QĐ-SGDVN Mẫu NY-02	
14	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.		
15	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế.		
16	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét. Sau khi đã vay từ 30% trở lên, phải CBTT các món vay hoặc phát hành trái phiếu khác có giá trị từ 10% trở lên tính trên BCTC năm gần nhất.		
17	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.		
18	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.		
19	Công bố thông tin về ĐHCĐ bất thường giống như ĐHCĐ thường niên (quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020).		
20	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.		
21	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, nộp hồ sơ lên VSDC, UBCKNN, HOSE, CBTT chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Mẫu 07-THQ	Ít nhất là 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng

C.P.X.N.



<b>II</b>	<b>CBTT khác</b>		
1	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.		
2	Đăng ký loại doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính khi trở thành công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc; không còn công ty con hoặc đơn vị kế toán trực thuộc. (Trong vòng 10 ngày kể từ khi có quyết định thay đổi)		
3	Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu, nộp báo cáo tài chính sau chuyển đổi đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký BCTC kiểm toán.		Tương tự chia tách và sáp nhập
4	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.		
5	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.		
<b>III</b>	<b>Công bố thông tin theo yêu cầu</b>		
1	CBTT theo yêu cầu khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.		CBTT 24h khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HSX.
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng đến giá chứng khoán và cần xác nhận thông tin đó.		CBTT 24h khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HSX.
<b>IV</b>	<b>Công bố thông tin của cổ đông lớn</b>		
1	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc khi không còn là cổ đông lớn nữa phải báo cáo Công ty đại chúng, UBCKNN, HOSE trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày trở	Phụ lục 07 Thông tư 96	



	thành hoặc không còn là cổ đông lớn.		
2	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu qua ngưỡng 1% trở lên phải CBTT và báo cho UBCKNN, HOSE trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên.	Phụ lục 08 Thông tư 96	
3	CTF công bố trên website trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng này.		
<b>V</b>	<b>Công bố thông tin về người nội bộ, người liên quan của người nội bộ</b>		
1	Trước khi thực hiện giao dịch 03 ngày làm việc, người nội bộ phải CBTT và báo cáo UBCKNN, HOSE, CTF về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty đại chúng, kể cả trường hợp không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...)	Phụ lục số 13 Thông tư 96	Thời hạn giao dịch không quá 30 ngày, chỉ được bắt đầu khi có CBTT từ HSX.
2	Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi hoàn tất giao dịch, người nội bộ phải Báo cáo kết quả với UBCKNN, HOSE và CTF.	Phụ lục số 15 Thông tư 96	
3	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, ... của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, CTF phải công bố lên website.		
4	Trường hợp công ty mẹ của công ty đại chúng, tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định của người nội bộ.		



**Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, v.v...), Người phụ trách CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc trước thời hạn CBTT đối với những trường hợp khác mà Công ty đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

- Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện CBTT của Công ty và UBCKNN, SGDCK trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT.

### Điều 8. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi dẫn đến việc Công ty vi phạm quy định của pháp luật về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của Công ty và pháp luật.

### Điều 9. Triển khai thực hiện

- Căn cứ vào nội dung Quy trình, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong quy trình này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy trình thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
- Việc sửa đổi bổ sung Quy trình này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VPCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN NGỌC DÂN